

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19-6-2017
V/v Ly hôn giữa chị H và anh C

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Út

2. Bà Bê Thị Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Nụ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 19 tháng 6 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 về việc: "**Xin ly hôn**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐXX-ST ngày 6 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mã Thị H; Sinh năm: 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 23, tổ 7A, thị trấn B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn C; Sinh năm: 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: xóm N, xã Đ, huyện H, Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-3-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Mã Thị H trình bày:

Chị với anh Hoàng Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 23-10-1993. Sau khi tổ chức lễ cưới đến nay, vợ chồng vẫn chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó, hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do chồng thường xuyên uống rượu say, chửi mắng vợ con và vợ chồng thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chính vì thế vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2010 cho đến nay. Nay chị H xác định tình

cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu toà án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng đã có một con chung là Hoàng Trọng T (sinh ngày 01/6/1994). Hiện nay con chung đã thành niên nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử phía anh Hoàng Văn C công nhận: Về điều kiện và thời gian kết hôn như chị H trình bày là đúng, hai vợ chồng kết hôn ngày 23-10-1993 trên cơ sở tự nguyện và không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc vợ chồng đã có một con chung. Sau một thời gian chung sống, giữa hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do nguyên nhân là tôi (C) uống rượu nhiều và khi say rượu thường chửi mắng vợ con, do vậy vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng nhất trí theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh C xác nhận vợ chồng có một con chung như chị H khai là đúng. Hiện con chung đã thành niên, không yêu cầu Toà giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, trong vụ án này do các bên đương sự không có đăng ký kết hôn, do đó Tòa án phải mở phiên toà để tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra, trên cơ sở những lời trình bày và kết quả tranh luận của đương sự tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà nguyên đơn chị Mã Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, lời khai của anh Hoàng Văn C cũng nhất trí theo yêu cầu của chị H. Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C được hai gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 23-10-1993, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng thời gian đầu hoà thuận, hạnh phúc và vợ chồng đã có một con chung. Trong cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp thường bắt đồng quan điểm với nguyên nhân do anh C thường xuyên uống rượu say về chửi mắng vợ, con. Mâu thuẫn trầm trọng vào năm 2008 và đến tháng 02 năm 2010 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Hiện nay, chị H và anh C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh C nhất trí theo yêu cầu ly hôn của chị H.

Căn cứ vào Điều 14; Điều 51; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; Nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này. Căn cứ vào Khoản 4, Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án Nhân dân tối cao- Viện kiểm sát Nhân dân tối cao- Bộ Tư pháp Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những căn cứ và phân tích trên trường hợp của chị H và anh C không có đăng ký kết hôn phù hợp với Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị H, anh C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị Mã Thị H và anh Hoàng Văn C cùng xác nhận là vợ chồng có một con chung là Hoàng Trọng T (sinh ngày 01/6/1994). Hiện nay con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh C cùng xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Áp dụng Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 14, Điều 51, Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mã Thị H và anh Hoàng Văn C.

2. Về con chung: Chị H và anh C cùng xác nhận có một con chung là: Hoàng Trọng T (sinh ngày 01/6/1994). Hiện nay con chung đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

3. Về chia tài sản: Chị H và anh C cùng xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mã Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền đã nộp

tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/02142 ngày 27-4-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Cao Bằng. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- TAND Tỉnh Cao Bằng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dong